

Bản án số: 392/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 8 - 2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Khắc Chung;

Bà Trương Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 290/2019/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1984; (Có mặt).

Trú tại tổ 12, ấp Mỹ H, xã Mỹ Ph, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc Th, sinh năm 1978; (Vắng mặt).

Trú tại: Tổ 24, ấp Mỹ Th1, xã Mỹ Ph, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T trình bày: Chị T và anh Th là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh Th thường hay uống rượu, đánh đập, chửi mắng vợ con và có quan hệ với người phụ nữ khác, đã ly thân

tháng 3/2019 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Th. Về con chung: Chị T và anh Th chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 18/3/2003; Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 06/5/2009, ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc Th trình bày: Thống nhất với phần trình bày của chị T về thời gian chung sống, mâu thuẫn, thời gian ly thân, anh Th không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Con chung: Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 18/3/2003; Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 06/5/2009, nếu ly hôn con chung muốn ở với tôi thì tôi nuôi, muốn ở với vợ thì giao cho vợ nuôi, không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Th, con chung 02 cháu, ly hôn theo nguyện vọng của con muốn ở với ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh Th vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Quốc Th có hộ khẩu thường trú tại xã Mỹ Ph, huyện CP, tỉnh An Giang. Chị T khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh Th được Tòa án nhân dân huyện CP tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Th chung sống chung sống năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, chị T cho rằng chị và anh Th chung sống không còn hạnh phúc, anh Th đã có người phụ nữ khác không quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân từ tháng 3/2019 đến nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết

ly hôn ly hôn. Xét thấy, chị T và anh Th chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002 và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Mỹ T và anh Nguyễn Quốc Th.

- Về con chung: Chị T và anh Th chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 18/3/2003; Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 06/5/2009. Ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng, còn nếu theo nguyện vọng của con muốn ở với ai giao người đó nuôi. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu Kh ở với anh Th, cháu D ở với chị T, cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, đồng thời anh Th và chị T có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của cháu Kh muốn ở với anh Th, cháu D muốn ở với chị T, đồng thời anh Th và chị T đều có ý kiến con muốn ở với ai người đó nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Kh cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu D cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh Th không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Mỹ T và anh Nguyễn Quốc Th.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 18/3/2003 cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng; Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 06/5/2009 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T, anh Th cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Th, chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001326 ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

Trần Thị Ngọc Mỹ